

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ NHÃ *

Giáo dục nghề nghiệp đóng vai trò then chốt trong việc định hướng và đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về ngân sách đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong đầu tư ngân sách, huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực xã hội để phát triển bền vững hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Quản lý nhà nước; ngân sách đầu tư; giáo dục nghề nghiệp; Việt Nam.

Vocational education plays a key role in orienting and training a skilled workforce, thereby contributing to increased labor productivity and enhanced national competitiveness. This article focuses on analyzing and assessing the current status of state management of investment budget for the development of vocational education in Vietnam. On that basis, it proposes solutions to improve the effectiveness of state management of budget investment, mobilize and efficiently utilize social resources to promote the sustainable development of the vocational education system, meeting the requirements for high-quality human resource development in the digital era.

Keywords: State management; investment budget; vocational education; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 30/10/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 02/12/2025

NGÀY DUYỆT: 16/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.359.2025.1374>

1. Đặt vấn đề

Quản lý nhà nước (QLNN) về ngân sách đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển bền vững và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đề ra. QLNN đối với đầu tư là việc lập, phân bổ, sử dụng, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách công trong lĩnh vực này. Thông qua các công cụ quản

lý, như: chính sách, pháp luật, cơ chế tài chính, hệ thống thanh tra, kiểm toán và đánh giá hiệu quả đầu tư, Nhà nước bảo đảm việc sử dụng ngân sách đạt hiệu quả, công bằng, minh bạch, góp phần phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

* ThS, Trường Trung cấp Kinh tế và Du lịch Hà Nội

Việc nghiên cứu thực trạng làm rõ ưu điểm và hạn chế trong QLNN đối với đầu tư ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp, từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN đối với đầu tư ngân sách cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để làm tốt việc phân bổ hợp lý nguồn lực giữa các vùng, ngành và trình độ đào tạo; đồng thời, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia.

2. Thực trạng quản lý nhà nước về ngân sách đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam là một cấu phần quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, giữ vai trò đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp cung cấp cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở nước ta hiện nay theo *Luật Giáo dục nghề nghiệp* năm 2014, bao gồm ba cấp trình độ: *sơ cấp, trung cấp và cao đẳng*; được tổ chức linh hoạt theo hướng mở, tạo điều kiện cho người học học tập suốt đời và chuyển tiếp giữa các trình độ.

Theo số liệu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tính đến năm 2024, cả nước có 1.886 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gồm 399 trường cao đẳng, 429 trường trung cấp, 1.058 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trong đó cơ sở ngoài công lập chiếm khoảng 36,2% tổng số cơ sở¹. Cũng theo báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm, trung bình mỗi năm có khoảng 2,3 - 2,43 triệu người (trong đó khoảng 530 nghìn người ở trình độ cao đẳng, trung cấp). Trên cơ sở thực trạng tuyển sinh và đào tạo nghề cho thấy, tỷ lệ cao đẳng và trung cấp chỉ chiếm khoảng trên 25% còn lại là sơ cấp và các hình thức đào tạo thường xuyên khác. Giáo dục nghề nghiệp vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, như: cơ cấu ngành nghề chưa phù hợp với nhu cầu thị trường lao động; chất lượng

đào tạo chưa đồng đều; cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp chưa được phân bổ và sử dụng hiệu quả.

Theo *Luật Ngân sách nhà nước* năm 2025, *Luật Giáo dục nghề nghiệp* năm 2014 và các văn bản hướng dẫn, nguồn tài chính của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước cho đào tạo nghề nghiệp thực hiện chi cho 3 nội dung chủ yếu là: nguồn kinh phí thường xuyên; vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia. Nguồn ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục - đào tạo và được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời.

Chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo nói chung ở Việt Nam vẫn dao động ở mức thấp hơn so với mục tiêu đặt ra (mục tiêu tối thiểu 20% tổng chi thường xuyên của ngân sách nhà nước dành cho giáo dục). Báo cáo của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) cho thấy, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục thường nằm trong khoảng 15 - 19% tổng chi trong nhiều năm, chưa đạt mức tối thiểu 20% theo chủ trương. Đồng thời, tỷ trọng chi cho giáo dục trong GDP dao động (các nguồn tính toán cho thấy, con số xấp xỉ khoảng 5 - 6% GDP cho tổng chi giáo dục trong một số năm gần đây), nhưng rất ít trong đó được phân định cụ thể cho giáo dục nghề nghiệp và cho các khoản đầu tư dài hạn (hạ tầng, thiết bị, đào tạo giảng viên).

Cơ chế phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp vẫn chủ yếu tuân theo khung pháp luật về ngân sách và giáo dục: dự toán do các cơ quan quản lý (bộ, sở, cơ sở giáo dục) lập, phê duyệt theo quy định của *Luật Ngân sách nhà nước* năm 2025 và các văn

bản hướng dẫn; ngân sách cấp tỉnh đóng vai trò lớn trong chi thường xuyên cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phân bổ mang tính truyền thống, dựa trên tiêu chí lịch sử (quy mô, biên chế, số lượng học viên) hơn là dựa trên kết quả đầu ra, nhu cầu thị trường lao động hoặc hiệu suất sử dụng vốn đầu tư; phân cấp nguồn lực giữa trung ương và địa phương chưa đồng đều, dẫn đến khoảng cách về năng lực đầu tư, trang thiết bị giữa các tỉnh, vùng; cơ chế thanh toán, quyết toán, kiểm toán cho các khoản đầu tư dài hạn (ví dụ: trang thiết bị thực hành, xưởng thực hành) đôi lúc phức tạp, kéo dài, gây chậm trễ giải ngân.

Ngân sách nhà nước chi cho toàn ngành Giáo dục được báo cáo ở mức 306.128 tỷ đồng (gồm trung ương và địa phương theo số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024). Đây là tham số quan trọng cho thấy bức tranh phân bổ cho các bậc học. Song phần ngân sách trực tiếp dành cho giáo dục nghề nghiệp tương đối khiêm tốn (con số ghi nhận cho giáo dục nghề nghiệp năm 2021 là khoảng 18.490 tỷ đồng)³.

Nguồn vốn cho giáo dục nghề nghiệp, gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) - chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển; nguồn xã hội hoá (học phí, đóng góp của doanh nghiệp, quỹ hợp tác); vốn ODA/dự án quốc tế. Như vậy, ngân sách nhà nước chiếm phần lớn tổng nguồn lực cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp, trong khi đóng góp trực tiếp từ doanh nghiệp và xã hội hóa còn hạn chế so với nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành⁴.

Nhìn chung QLNN về ngân sách đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam trong những năm gần đây được Nhà nước quan tâm tăng cường nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thực hành, nâng cao năng lực đội ngũ và hỗ trợ người

học. Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách đã được ban hành tương đối đầy đủ, từ *Luật Ngân sách nhà nước* năm 2025, *Luật Giáo dục nghề nghiệp* năm 2014 đến các nghị định, thông tư hướng dẫn, tạo khuôn khổ pháp lý cho công tác quản lý và điều hành.

Cơ chế phân cấp quản lý ngân sách từng bước được hoàn thiện giúp các địa phương chủ động hơn trong việc phân bổ, huy động và sử dụng nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp. Nhiều dự án đầu tư từ ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn xã hội hóa ODA, hợp tác quốc tế (ADB, JICA, GIZ, WB, EU...) đã góp phần cải thiện đáng kể cơ sở vật chất, hiện đại hóa thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo nghề ở một số cơ sở trọng điểm.

Tuy nhiên, việc đầu tư ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp thiếu tính định hướng theo nhu cầu lao động và kết quả đào tạo. Đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị còn khiêm tốn và không đồng đều. Nhiều cơ sở, nhất là ở vùng khó khăn, thiếu xưởng, thiết bị cập nhật, điều này làm giảm chất lượng thực hành nghề.

Quy trình giải ngân và quản trị còn cồng kềnh. Một số dự án đầu tư chậm do thủ tục phê duyệt, giải ngân kéo dài; thanh tra, kiểm toán sau đầu tư chưa luôn đi đôi với đánh giá hiệu quả sử dụng trung hạn. Phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, chưa huy động đủ các nguồn xã hội. Mặc dù có chính sách khuyến khích hợp tác doanh nghiệp, tài trợ, đầu tư tư nhân nhưng tỷ lệ nguồn lực ngoài ngân sách cho các dự án đầu tư lớn còn hạn chế.

Thứ nhất, quy mô ngân sách phân bổ cho giáo dục nghề nghiệp còn thấp so với tổng chi ngân sách giáo dục - đào tạo, chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong tổng chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

Thứ hai, việc lập, phân bổ và sử dụng ngân sách còn thiếu đồng bộ, chưa gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động và chiến lược phát triển nhân lực quốc gia.

Thứ ba, cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư còn hình thức; nhiều địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa có tiêu chí định lượng rõ ràng để đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các khoản đầu tư, đặc biệt là trong mua sắm thiết bị thực hành.

Thứ tư, nguồn lực xã hội hóa và hợp tác công - tư trong giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, do chính sách khuyến khích chưa đủ mạnh và thiếu mô hình mẫu thành công để nhân rộng.

3. Một số giải pháp

Một là, rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định trong *Luật Giáo dục nghề nghiệp* năm 2019 và các văn bản hướng dẫn để xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của trung ương và địa phương trong phân bổ, sử dụng và quyết toán nguồn vốn đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, cần có cơ chế ưu tiên ngân sách cho các lĩnh vực đào tạo nhân lực kỹ thuật cao, ngành nghề trọng điểm quốc gia và vùng khó khăn nhằm bảo đảm tính công bằng và hiệu quả đầu tư.

Hai là, hoàn thiện hệ thống dữ liệu và cơ chế đánh giá hiệu quả đầu tư ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp. Để làm rõ mối quan hệ giữa quy mô đầu tư và chất lượng đào tạo nghề cần xây dựng hệ thống chỉ số và cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: thông tin về tổng mức đầu tư, cơ cấu chi, tỷ lệ sử dụng thiết bị, kết quả đầu ra và việc làm của người học. Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cần chủ trì thiết lập cơ chế báo cáo định kỳ và công khai về tình hình đầu tư, nhằm minh bạch hóa việc phân bổ ngân sách và tạo cơ sở cho nghiên cứu, hoạch định chính sách.

Ba là, đổi mới quy trình lập kế hoạch,

phân bổ và giám sát ngân sách theo hướng gắn với kết quả đầu ra. Để khắc phục tình trạng sử dụng ngân sách chưa hiệu quả, cần chuyển mạnh từ mô hình “quản lý đầu vào” sang “quản lý theo kết quả”. Cụ thể: xây dựng kế hoạch đầu tư ngân sách dựa trên kết quả đào tạo, tỷ lệ việc làm và mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; thực hiện ngân sách theo chương trình, dự án gắn với mục tiêu cụ thể; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách nhằm tăng cường giám sát, công khai và truy xuất dữ liệu.

Bốn là, tăng cường cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm toán độc lập. Để nâng cao hiệu quả quản lý, cần thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát đa tầng đối với việc sử dụng ngân sách giáo dục nghề nghiệp: cấp bộ, cấp địa phương và cơ sở đào tạo. Cần có kiểm toán chuyên đề định kỳ về chi đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị và sử dụng vốn, bảo đảm tính đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong giám sát, phản biện chính sách tài chính giáo dục nghề nghiệp.

Năm là, đẩy mạnh huy động nguồn lực ngoài ngân sách và hợp tác công - tư. Để giải quyết hạn chế về quy mô ngân sách cần mở rộng nguồn lực xã hội hóa cho giáo dục nghề nghiệp. Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý về hợp tác công - tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, ban hành cơ chế ưu đãi thuế, đất đai và tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở đào tạo, trang thiết bị và chương trình đào tạo nghề. Đồng thời, khuyến khích mô hình “doanh nghiệp đồng hành cùng nhà trường” - doanh nghiệp đầu tư thiết bị, tham gia đào tạo và đánh giá kỹ năng người học, qua đó, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

Sáu là, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần nhanh chóng thích ứng với chuyển đổi

số và hội nhập quốc tế trong quản lý ngân sách giáo dục nghề nghiệp. Trước tác động của chuyển đổi số, cần đẩy mạnh ứng dụng nền tảng công nghệ quản lý ngân sách số hóa, từ khâu lập kế hoạch, giải ngân đến báo cáo và đánh giá hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức, như: ADB, WB, JICA, GIZ, EU để tiếp nhận công nghệ quản lý tài chính hiện đại, chia sẻ kinh nghiệm trong huy động và sử dụng vốn đầu tư hiệu quả. Việc này không chỉ giúp nâng cao năng lực quản lý tài chính công mà còn bảo đảm tính minh bạch, chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế.

Việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trên sẽ giúp hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về ngân sách đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, tạo sự gắn kết giữa nguồn lực - quản lý - hiệu quả đào tạo, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững hệ thống giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

4. Kết luận

QLNN về ngân sách đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp là một nội dung quan trọng trong chính sách phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Thời gian qua, Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện thể chế, tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý tài chính công cho giáo dục nghề nghiệp. Nguồn ngân sách nhà nước cùng với các nguồn lực xã hội đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Tuy nhiên, quá trình quản lý ngân sách đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định: quy mô đầu tư còn thấp, cơ cấu phân bổ chưa hợp lý, công tác giám sát hiệu quả sử dụng chưa thực chất, mức độ xã hội hóa nguồn lực còn hạn chế. Những vấn đề này đòi hỏi phải tiếp

tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế quản lý, bảo đảm việc phân bổ, sử dụng và giám sát ngân sách công khai, minh bạch, gắn với mục tiêu phát triển nhân lực có kỹ năng nghề cao, thích ứng với xu thế phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập toàn cầu □

Chú thích:

1. Tổng cục Thống kê (2024). *Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024*.
2. *Ngân sách nhà nước chi 306.128 tỷ đồng cho giáo dục, đào tạo*. <https://baodautu.vn>, ngày 13/10/2024.
3. Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp (2022). *Báo cáo Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam*.
4. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. *Báo cáo hợp tác quốc tế - VET/JICA/BIBB*.

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Dạy nghề (2024). *Báo cáo kết quả tuyển sinh và dạy nghề năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025*.
2. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014*.
3. Quốc hội (2025). *Luật Ngân sách nhà nước năm 2025*.
4. *Đổi mới quản lý nhà nước về đầu tư cho đào tạo nghề trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*. <https://tapchicongthuong.vn>, ngày 23/8/2022.
5. *Đề nghị ưu tiên bố trí kinh phí cho giáo dục nghề nghiệp*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 01/10/2024.
6. *Ưu tiên ngân sách nhà nước cho phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp*. <https://thesaigon-times.vn>, ngày 17/5/2023.
7. *Ưu tiên ngân sách nhà nước cho phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp*. <https://lsvn.vn>, ngày 17/5/2023.
8. *Trường nghề cần được tăng nguồn lực đầu tư để thu hút, giữ chân giáo viên*. <https://giaoduc.net.vn>, ngày 06/3/2025.
9. *Đẩy mạnh đầu tư cho phát triển giáo dục trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 12/6/2025.